BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIÊN SƠN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

|  |  |
| --- | --- |
|  | Trang |
| Báo cáo của Ban Giám đốc |  02 - 03 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính | 04 |
| Báo cáo tài chính đã được soát xét | 05 - 37 |
| Bảng cân đối kế toán | 05 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09 - 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 11 - 37 |

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

# CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tiền thân là Công ty Granite Tiên Sơn là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1309/QĐ-BXD ngày 19/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi Công ty Granite Tiên Sơn trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera) thành Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Tiên Sơn - huyện Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Chủ tịch  |  |
| Ông Đinh Quang Huy | Thành viên |  |
| Ông Quách Hữu Thuận | Thành viên |  |
| Ông Nguyễn Trí Dũng | Thành viên |  |
| Ông Nguyễn Duy Trúc | Thành viên |  |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Quách Hữu Thuận | Giám đốc  |  |
| Ông Trương Ngọc Minh | Phó Giám đốc  |  |

# Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bà Ngô Thị Reo | Trưởng Ban |  |
| Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2014) |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2014) |
| Bà Ngô Thị Thảo | Thành viên |  |

# KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

# CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

* Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
* Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
* Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
* Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thay mặt Ban Giám đốc |  |  |
| **Quách Hữu Thuận**Giám đốc*Bắc Ninh, ngày 05 tháng 07 năm 2014* |  |  |

Số : ...../2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau:*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.8, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 1,5 lần so với phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất trong năm 2014. Do đó chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2014 đang ghi nhận nhiều hơn vào Kết quả hoạt động kinh doanh so với mức khấu hao nếu áp dụng theo tỷ lệ khấu hao của 6 tháng đầu năm 2013 là 4.022 triệu đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC** |  |  |
| **Nguyễn Thanh Tùng**Phó Tổng Giám đốcGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toánsố: 0063-2013-002-1 |  | **Nguyễn Ngọc Lân**Kiểm toán viênGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toánsố: 1427-2013-002-1 |
| *Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014* |  |  |



**Error! Not a valid link.**



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| **Quách Hữu Thuận**Giám đốc |  | **Ngô Trọng Toán** Kế toán trưởng |  | **Nguyễn Tiến Khôi** Người lập |
| *Bắc Ninh, ngày 05 tháng 07 năm 2014* |  |  |  |  |

****

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| **Quách Hữu Thuận**Giám đốc |  | **Ngô Trọng Toán** Kế toán trưởng |  | **Nguyễn Tiến Khôi** Người lập |
| *Bắc Ninh, ngày 05 tháng 07 năm 2014* |  |  |  |  |

****

****

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| **Quách Hữu Thuận**Giám đốc |  | **Ngô Trọng Toán** Kế toán trưởng |  | **Nguyễn Tiến Khôi** Người lập |
| *Bắc Ninh, ngày 05 tháng 07 năm 2014* |  |  |  |  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014***

* 1. **THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn tiền thân là Công ty Granite Tiên Sơn là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1309/QĐ-BXD ngày 19/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển đổi Công ty Granite Tiên Sơn trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera) thành Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Tiên Sơn - Huyện Tiên Du - Tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 VND, tương đương 9.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là: 10.000 VND/cổ phần.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:** | **Địa chỉ** | **Hoạt động kinh doanh chính** |
| Nhà máy Viglacera Thái Bình  | KCN Tiền Hải, Thái Bình | Sản xuất, kinh doanh gạch ốp lát granite |

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh số 2103000297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 01/11/2007 là:

* Sản xuất và kinh doanh các loại gạch ốp lát ceramic, granite và các loại vật liệu xây dựng khác;
* Hoàn thiện và trang trí các công trình dân dụng và công nghiệp;
* Tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
* Khai thác và chế biến khoáng sản;
* Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
* Kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng;
* Kinh doanh máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế.
	1. **CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Sổ nhật ký chung trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyềntháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| * Nhà cửa, vật kiến trúc
 |  10 - 50 năm |
| * Máy móc, thiết bị
 |  20 năm |
| * Phương tiện vận tải
 |  06 - 10 năm |
| * Thiết bị văn phòng
 |  03 - 08 năm |
| * Các tài sản khác
 |  05 năm |
| * Quyền sử dụng đất
 |  49 năm |
| * Giá trị thương hiệu
 |  10 năm |
| * Phần mềm quản lý
 |  05 năm |

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

Trong năm 2014, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 1,5 lần so với với phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất. Do đó chi phí khấu hao trong 6 tháng đầu năm 2014 đang ghi nhận nhiều hơn vào Kết quả hoạt động kinh doanh so với mức khấu hao nếu áp dụng theo tỷ lệ khấu hao của 6 tháng đầu năm 2013 là 4.021.945.736 VND.

**2.9. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

* Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền";
* Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
* Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

* Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

Do chưa có Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2014 của Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera nên dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty nhận vốn đầu tư.

**2.10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.11. Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng TMCP Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.15. Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

* Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
* Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
* Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
* Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
* Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

* Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
* Chi phí đi vay vốn;
* Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
* Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17. Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

****[\*] Là khoản cho Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng số 01/2011/VIT-TLT/HĐVV ngày 29/12/2011 và hợp đồng số 01/2012/VIT-TLT/HĐVV ngày 01/06/2012; Lãi suất cho vay từ 12%/năm; Hình thức đảm bảo nợ cho vay bằng tín chấp.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 77/VIT-HĐQT ngày 31/12/2013 thì hai khoản vay nêu trên được gia hạn đến thời điểm 31/12/2014.

[\*] Theo Quyết định số 584/TCT-HĐTV ngày 26/12/2013 của Tổng Công ty Viglacera về việc “Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2014 cho nhóm doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh gạch ốp lát” thì dự toán chi phí sửa chữa lớn năm 2014 của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn là 11.810 triệu đồng. Công ty thực hiện sửa chữa lớn và tập hợp chi phí vào Quý I, Quý II và sẽ phân bổ dần vào Kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2014.





* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 285.318.634.151 VND.
* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.656.871.857 VND.

Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Viglacera Tiên Sơn được sử dụng để đảm bảo thanh toán khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay số 175280/2013/HĐ ngày 28/08/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh.

[\*] Là khoản dự phòng giảm giá trích lập cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Do tại thời điểm lập Báo cáo Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera chưa công bố Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

[1]Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng số 175280/2013/HĐ ngày 28/08/2013, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND bao gồm cả ngoại tệ quy đổi;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

- Lãi suất vay: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng cụ thể. Thời hạn rút vốn của hợp đồng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng hạn mức có hiệu lực;

- Phương thức đảm bảo khoản vay: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V434141 của Công ty. Tổng diện tích là 41.346 m2 theo hợp đồng thế chấp số 02/2007/HĐ ngày 08/01/2007; Thế chấp một số máy móc thiết bị của Công ty theo hợp đồng thê chấp số 09/2007/HĐ ngày 20/01/2007; Thế chấp hàng tồn kho thành phẩm luân chuyển; Thế chấp giá trị vốn góp vào Công ty cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera theo báo cáo tài chính đầu năm 2013 với giá trị là 12 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản thế chấp là: 79.639 triệu đồng để đảm bảo dư nợ vay ngắn, bảo lãnh, mở L/C tại BIDV Chi nhánh Bắc Ninh;

- Số dư tại thời điểm 30/06/2014 là: 28.658.357.988 VND.

[2]Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Tiên Sơn theo Hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT285-VIT ngày 14/04/2014, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: Tổng mức dư nợ vay cùng với các số dư L/C, bảo lãnh đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 140.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Sử dụng để thanh toán chi phí nguyên vật liêu, nhân công, điện, nước và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Lãi suất vay: Được điều chỉnh một tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất cho vay áp dụng kỳ đầu tiên từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15/04/2014. Lãi suất cho vay VND thông thường là: 9,5%/năm, lãi suất cho vay USD thông thường là: 4,5%/ năm;

- Thời hạn vay: Thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;

- Phương thức đảm bảo khoản vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung. Các tài sản đảm bảo bổ sung là hàng hoá, nguyên vật liệu tồn kho, quyền phát sinh từ quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera và Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của Bên vay;

- Số dư tại thời điểm 30/06/2014 là: 119.235.945.778 VND. (Trong đó: nợ vay bằng VND là 107.777.252.299 VND; nợ vay bằng USD là: 537.966,83 USD tương đương với 11.458.693.479 VND).

[3]Là khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm theo Hợp đồng số 3100LAV201401622 ngày 18/06/2014, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND bao gồm cả ngoại tệ quy đổi. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, hạn mức cấp tín dụng trên được quy định giảm dần, đến ngày 31/05/2015 hạn mức cấp tín dụng là: 28.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Chi phí vật tư, nguyên, nhiên vật liệu và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014;

- Lãi suất vay: Thoả thuận theo từng thời điểm nhận nợ và sẽ được ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,6%/năm;

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay, thời hạn bảo lãnh cụ thể do hai bên thoả thuận dựa trên hồ sơ mỗi lần giải ngân, bảo lãnh và được ghi trên từng giấy nhận nợ, thư bảo lãnh do Ngân hàng phát hành. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân không quá 9 tháng;

- Phương thức đảm bảo khoản vay: Tài sản đảm bảo là Nhà máy Viglacera Thái Bình theo Hợp đồng thế chấp 1283/HĐTC ngày 18/11/2013, giá trị tài sản: 20.000.000.000 VND, mức dư nợ đảm bảo: 15.000.000.000 VND. Bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐTC ngày 21/5/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 27/05/2014, tài sản là máy móc thiết bị giá trị tài sản: 3.300.000.000 VND, mức dư nợ được đảm bảo: 2.475.000.000 VND. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 23.300.000.000 VND; mức dư nợ được đảm bảo: 17.475.000.000 VND;

- Số dư tại thời điểm 30/06/2014 là: 15.202.012.465 VND.

[4] Là khoản vay Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera theo Hợp đồng số 01/2013/HĐVV-VIG và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV-VIG ngày 12/05/2014, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Lãi suất vay: 11,5%/năm;

- Thời hạn vay: 06 tháng;

- Phương thức đảm bảo khoản vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn cam kết thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của Công ty Cổ phần thương mại Viglacera nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng;

- Số dư tại thời điểm 30/06/2014 là: 12.000.000.000 VND.

[5] Là khoản nợ phải trả Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) theo Hợp đồng mua bán số 20/VIT-HDI-DATC/2010 ngày 19/03/2010, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Nội dung mua bán: Mua bán theo nguyên trạng danh mục tài sản của Nhà máy gạch Granite Long Hầu bao gồm toàn bộ nhà xưởng, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất gạch gắn liền với khu đất có diện tích 34.769 m2 tại địa chỉ Khu công nghiệp Tiền Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình cùng với tất cả quyền và lợi ích liên quan đến tài sản;

 Tài sản gắn liền với khu đất có diện tích 19.840 m2 nằm ở phía Đông Nhà máy gạch Granite Long Hầu do Sở địa chính tỉnh Thái Bình cho Công ty Đầu tư và Xây dựng Phương Bắc (Nay là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hà Nội HDI) thuê theo hợp đồng số 74/2003/HĐ/TĐ ngày 31/07/2003 để dự định mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy gạch Granite Long Hầu (Thời hạn từ ngày 10/07/2003 đến hết ngày 31/12/2040) kèm theo tất cả quyền và lợi ích liên quan đến tài sản;

* Giá trị hợp đồng: 62.000.000.000 VND (Chưa bao gồm thuế GTGT);
* Số dư tại thời điểm 30/06/2014: 7.500.000.000 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

[1] Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Tiên Sơn theo các Hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 01-2014 VIT/HĐTDTHDA/NHCT285-VIT ngày 14/04/2014, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: Không vượt quá 30.000.000.000 VND và không vượt quá 59,4% chi phí đầu tư thực tế của Dự án đầu tư chiều sâu năm 2013 Nhà máy Viglacera Tiên Sơn;
* Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư chiều sâu năm 2013 Nhà máy Viglacera Tiên Sơn;
* Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
* Phương thức cho vay: Theo từng lần giải ngân;
* Lãi suất cho vay: Là lãi suất tính theo năm được xác định theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, lãi suất được điều chỉnh một tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, lãi suất áp dụng cho kỳ đầu tiên từ ngày kí hợp đồng đến ngày 15/05/2014 là 11,0%/năm;
* Phương thức bảo đảm: Cho vay có đảm bảo bằng tài sản. Tài sản đảm bảo gồm: Tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án,Toàn bộ tài sản bảo đảm bên vay đang thế chấp tại bên cho vay;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 11.409.577.188 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 0 VND.

Hợp đồng tín dụng số 02-2012 VIT/HĐTDTH ngày 13/12/2012, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: 60.000.000.000 VND;
* Mục đích vay: Tái cấu trúc tài chính bằng cách chuyển nợ vay ngắn hạn thành nợ vay trung hạn theo công văn phê duyệt số 6513/TGĐ-NHCT9 ngày 09/08/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc cơ cấu nợ đối với Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn;
* Thời hạn cho vay: 56 tháng;
* Phương thức cho vay: Từng lần;
* Lãi suất cho vay: Là lãi suất tính theo năm được xác định theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm xác định lãi suất cho vay;
* Phương thức bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 54.000.000.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 2.000.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 20110402/HĐTDTH-VIT ngày 15/04/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: 14.350.000.000 VND;
* Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc các dự án đầu tư chiều sâu;
* Thời hạn cho vay: 60 tháng;
* Phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư;
* Lãi suất cho vay: Theo lãi suất thả nổi;
* Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ sản xuất gạch granite (Dây chuyền I) và Máy móc thiết bị đầu tư mới bao gồm: 02 máy mài vát cạnh; 1 dây chuyền mài Nano; 01 dây chuyền mài bóng; 01 xe nạp liệu nhiều lần; 01 máy phát điện dự phòng;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 870.000.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 30.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 03-VIT/HĐTD ngày 26/05/2010, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: 39.700.000.000 VND;
* Mục đích vay: Thanh toán các chi phí của dự án đầu tư nhà máy gạch Viglacera Thái Bình giai đoạn I;
* Thời hạn cho vay: 60 tháng;
* Phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư;
* Lãi suất cho vay: 14,5%/năm đối với VND; 6,8%/năm đối với USD;
* Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ sản xuất gạch granite (Dây chuyền I) và các máy móc thiết bị đầu tư bổ sung thuộc dự án đầu tư nàh máy Viglacera Thái Bình giai đoạn I;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 20.361.178.144 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 3.500.000.000 VND.

[2] Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Tiên Sơn theo các Hợp đồng sau:

Hợp đồng số 0108-VIT/HĐTD ngày 15/05/2008, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: 58.600.000.000 VND;
* Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư theo dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 công suất 1.500.000 m2/năm;
* Thời hạn cho vay: 60 tháng;
* Phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư;
* Lãi suất cho vay: 15,5%/năm đối với VND; 8%/năm đối với USD áp dụng cho 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
* Phương thức bảo đảm: Toàn bộ máy móc dây chuyền thiết bị sản xuất theo dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 công suất 1.500.000 m2/năm;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 729.432,3 USD, tương đương với 15.536.907.990 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 729.432,3 USD, tương đương với 15.536.907.990 VND.

Hợp đồng tín dụng số 20110402/HĐTDTH-VIT ngày 15/04/2011, với các điều khoản chi tiết như sau:

* Số tiền cho vay: 14.350.000.000 VND;
* Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc các dự án đầu tư chiều sâu;
* Thời hạn cho vay: 60 tháng;
* Phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư;
* Lãi suất cho vay: Theo lãi suất thả nổi;
* Phương thức bảo đảm: Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ sản xuất gạch granite (Dây chuyền I) và Máy móc thiết bị đầu tư mới bao gồm: 02 máy mài vát cạnh; 1 dây chuyền mài Nano; 01 dây chuyền mài bóng; 01 xe nạp liệu nhiều lần; 01 máy phát điện dự phòng;
* Số dư nợ gốc tại 30/06/2014: 415.000 USD, tương đương với 8.839.500.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 20.000 USD, tương đương với 426.000.000 VND.

[3] Là các khoản vay cá nhân với thời hạn vay linh hoạt, lãi suất huy động là 12%/năm.

[4] Là các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm các hợp đồng số 236/2008/TSC-CTTC ký ngày 21/10/2008, 270/2008/TSC-CTTC ký ngày 31/12/2008, 158/2009/TSC-CTTC ký ngày 18/09/2009, 206/2009/TSC-CTTC ký ngày 16/11/2009, 245/2009/TSC-CTTC ký ngày 22/12/2009, 53/2010/TSC-CTTC ký ngày 22/04/2010, 176/2011/TSC-CTTC ký ngày 18/12/2011 thời hạn thuê từ 48 tháng đến 60 tháng theo đó lãi suất phải trả được tính theo lãi suất cho thuê thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo lãi suất ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam vay cộng với biên độ 3%/năm. Tổng số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2014 là: 3.184.012.480 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 1.365.745.248 VND.

****

****

****[\*] Năm 2014, Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 1,5 lần so với với phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nên chi phí khấu hao tài sản cố định 6 tháng đầu năm 2014 biến động tăng 87% so với 6 tháng đầu năm 2013.

****Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

1. **NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Do Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là các sản phẩm gạch ốp lát nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

****

1. **SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| **Quách Hữu Thuận**Giám đốc |  | **Ngô Trọng Toán** Kế toán trưởng |  | **Nguyễn Tiến Khôi** Người lập |
| *Bắc Ninh, ngày 05 tháng 07 năm 2014* |  |  |  |  |